

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 06 - 02 - 2018

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi, Bà Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày **06** tháng **02** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 357/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị G**, sinh năm 1974. HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã HD, huyện C, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** **Anh Trương Văn H**, sinh năm 1970; HKTT và cư trú: Thôn T, xã HD, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị Nguyễn Thị G. Vắng mặt: anh Trương Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2017 và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày như sau:**

Về quan hệ với anh Trương Văn H: Chị và anh Trương Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, tại thôn T, xã HD, huyện C, thành phố Hà Nội, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa chị và anh H có nhiều

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị và anh H đã sống ly thân khoảng hơn 10 năm nay. Nay chị không thể quay về sống chung với anh H được, nhưng do chị và anh không có đăng ký kết hôn, lại có con chung, nên chị đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh Trương Văn H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và Trương Văn H có 04 con chung là Trương Thị T (sinh ngày 10/06/1994), Trương Thị H (sinh ngày 12/7/1996), Trương Thị L (sinh ngày 04/04/2001), Trương Văn Hoàng L1 (sinh ngày 10/12/2002). Con chung Trương Thị T, Trương Thị H đã thành niên, không bị khuyết tật gì, không bị hạn chế về năng lực hành vi, đã tự đi làm nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với hai cháu Trương Thị L, Trương Văn Hoàng L1, chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu, các cháu muốn ở với ai thì các cháu tự quyết định. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Trương Văn H trình bày và xác nhận tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai:**

Về quan hệ với chị Nguyễn Thị G: Năm 1992 anh và chị Nguyễn Thị G là vợ chồng trên cơ sở hai bên đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh cũng thừa nhận anh và chị G đã sống ly thân 10 năm nay. Nay chị G yêu cầu Tòa án tuyên bố anh và chị G không phải là vợ chồng thì anh không đồng ý chia tay với chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Anh thừa nhận giữa anh và chị G có 04 con chung là: Trương Thị T (sinh ngày 10/06/1994), Trương Thị H (sinh ngày 12/7/1996), Trương Thị L (sinh ngày 04/04/2001), Trương Văn Hoàng L1 (sinh ngày 10/12/2002); trong đó con chung Trương Thị T, Trương Thị H đã thành niên, không bị khuyết tật gì, không bị hạn chế về năng lực hành vi, đã tự đi làm nuôi sống bản thân. Anh có nguyện vọng muốn nuôi cháu L, L1. Nếu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại các Đơn trình bày nguyện vọng,** con chung Trương Thị L (sinh ngày 04/4/2001) có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị G; con chung Trương Văn Hoàng L1 (sinh ngày 10/12/2002) có nguyện vọng được ở với bố là anh Trương Văn H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị G và anh Tường Văn H không phải là vợ chồng; Về con chung, đề nghị: giao con chung Tường Thị L (sinh ngày 04/4/2001) cho chị Nguyễn Thị G, giao con chung Tường Văn Hoàng L1 (sinh ngày 10/12/2002) cho anh Tường Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác; chị G và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G, anh H; Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Tường Văn H hiện tại đang cư trú tại thôn T, xã HD, huyện C, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Anh Tường Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Tường Văn H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ chung sống: Giữa chị Nguyễn Thị G và anh Tường Văn H có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ.

Xét quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Tường Văn H từ năm 1992 hai bên có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ giữa chị Nguyễn Thị G và anh Tường Văn H không được công nhận là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung và quyền, nghĩa vụ nuôi chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Trương Văn H đều xác nhận giữa anh chị có 04 con chung là: Trương Thị T (sinh ngày 10/06/1994), Trương Thị H (sinh ngày 12/7/1996), Trương Thị L (sinh ngày 04/04/2001), Trương Văn Hoàng L1 (sinh ngày 10/12/2002).

Do các con chung Trương Thị T, Trương Thị H đã thành niên, không bị khuyết tật gì, không bị hạn chế về năng lực hành vi, đã tự đi làm nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 con chung là Trương Thị L và Trương Văn Hoàng L1, chị G có nguyện vọng nghe theo ý kiến của các con chung, anh H muốn nuôi cả 02 con chung. Nguyên vọng của cháu L được ở với chị G, của cháu L1 được ở với anh H. Xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị G và anh H là như nhau. Xét nguyện vọng của các cháu L, L1 thì thấy, cả hai cháu đều đã trên 15 tuổi, có khả năng tư duy, nhận thức tương đối và nguyện vọng của hai cháu đều chính đáng, nên cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Do vậy, giao con chung Trương Thị L cho chị G, con chung Trương Văn Hoàng L1 cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Trương Văn H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Tuyên bố chị Nguyễn Thị G và anh Trương Văn H không phải là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Trương Văn H có 04 (bốn) con chung là: Trương Thị T, sinh ngày 10/06/1994; Trương Thị H, sinh ngày 12/7/1996; Trương Thị L, sinh ngày 04/04/2001; Trương Văn Hoàng L1, sinh ngày 10/12/2002.

Giao con chung Trương Thị L cho chị Nguyễn Thị G; con chung Trương Văn Hoàng L1 cho anh Trương Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác. Chị Nguyễn Thị G và anh Trương Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị G, anh Tường Văn H cho đến khi có quyết định khác.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003087 ngày 06 tháng 11 năm 2017) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai